

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 54 /2020/DS-ST

Ngày: 31-12-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**

Ông Phan Tấn Lâm

-Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXX-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: số 169, phố LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: **Ông Dương Quyết A** – chức vụ: Tổng giám đốc; Ủy quyền cho **Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước**, do **bà Nguyễn Thị B**- chức vụ: Giám đốc làm đại diện; **Bà Nguyễn Thị B** ủy quyền lại cho **bà Vũ Thị C**- chức vụ: Phó giám đốc tham gia tố tụng.

Bị đơn: **Ông Lê Sỹ D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ông Lê Sỹ Đ**, sinh năm 1950; **Ông Lê Sỹ E**, sinh năm 1994; cùng địa chỉ Thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người

đại diện theo uỷ quyền là bà Vũ Thị C có nội dung được tóm tắt như sau:

Ngày 23 tháng 3 năm 2014, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có cho hộ ông Lê Sỹ D (*hộ gồm có ông và ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E*) vay tín chấp chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay-thu nợ-đư nợ số 6600000700839023 là 8.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,8%/tháng, lãi quá hạn là 1,04%/tháng. Phương thức thanh toán 6 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Quá trình từ khi vay cho đến ngày khởi kiện, hộ ông D chưa thanh toán cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi trong hạn thì hộ ông D đã thanh toán được là: 3.501.314 đồng (*tính từ ngày 23 tháng 03 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018*) thì ngưng cho đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần.

Nay tại Toà, bà C đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc hộ ông D, ông Đ, ông E phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc đã vay là 8.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2019 là 445.353 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*đưa vụ án ra xét xử*) là 1.730.560 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 2.175.913 đồng.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E vắng mặt trong suốt quá trình thu thập cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bị đơn ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc là 8.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E có địa chỉ cư trú tại Thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhiều lần. Như vậy, việc vắng mặt của các đương sự nói trên là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cho nên, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị C đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc đã vay là 8.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt ông D, ông Đ và ông E, nhưng căn cứ vào khoản vay vốn tín chấp lập ngày 23 tháng 03 năm 2014 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000700839023 do ông D đại diện hộ gia đình ký tên ở phần người vay với số tiền là 8.000.000 đồng. Mục đích vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Từ những chứng nêu trên cho thấy, việc giao kết giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông D, ông Đ và ông E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã đi đòi nhiều lần.

Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam do bà Vũ Thị C làm đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bị đơn ông Lê Sỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là gốc đã vay là 8.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên toà, bà C đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu hộ ông D, ông Đ, ông E phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi trong hạn tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2019 là 445.353 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 1.730.560 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 2.175.913 đồng. HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000700839023 lập ngày 23 tháng 03 năm 2014, thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,8%/tháng và lãi quá hạn là 1,04%/tháng. Hộ ông D, ông Đ, ông E chỉ mới thanh toán lãi trong hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 23 tháng 03 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018 là 3.501.314 đồng thì ngưng cho đến nay.

Căn cứ vào Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng thì hộ ông D, ông Đ, ông E còn nợ tiền lãi trong hạn tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2019 là 445.353 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*đưa vụ án ra xét xử*) là 1.730.560 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 2.175.913 đồng và yêu cầu Tòa án buộc hộ ông D, ông Đ, ông E phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền lãi như đã nêu trên. Xét thấy, yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, ông Đ, ông E liên đới phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc hộ ông Lê Sỹ D, ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc đã vay là 8.000.000

đồng và tổng số tiền lãi theo Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 16 tháng 12 năm 2020 là là 2.175.913 đồng. Tổng cộng là 10.175.913 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí DSST: Hộ ông Lê Sỹ D, ông Lê Sỹ Đ, ông Lê Sỹ E phải có trách nhiệm liên đới nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

